

Bản án số: 703/2024/HS-PT
Ngày 21 tháng 8 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ.

Bà Trần Thị Thúy Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Văn Vâng – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử trực tuyến phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 499/2024/TLPT-HS ngày 06 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Lê Minh N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2024/HS-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Phiên tòa được tiến hành tại điểm hai điểm cầu gồm: Điểm cầu trung tâm là phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

I. Tại điểm cầu trung tâm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

- Các thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ – Bà Trần Thị Thúy Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên cao cấp.

II. Tại điểm cầu thành phần gồm có:

Bị cáo có kháng cáo: **Lê Minh N**, sinh ngày 22/6/1990, tại Tiền Giang; nơi ở: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; số CCCD: 082090000566; cha: Lê Văn B, sinh năm 1963; mẹ: Trương Thị L, sinh năm 1961; vợ: Võ Thị Hà N1, sinh năm 1989; bị cáo có 02 người con sinh năm 2009 và năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Bị Ủy ban nhân dân tỉnh T xử phạt 70.100.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản là cát, sỏi lòng sông trái phép,

theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3818/QĐ-XPHC ngày 30/12/2021 (chưa nộp phạt). Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. Bị cáo có mặt tại tòa.

Người bào chữa cho Bị cáo: Ông Võ Trọng K1, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Võ Trọng K1, Đoàn Luật sư Thành phố H1. (có mặt)

(Ngoài ra còn có bị cáo Lê Minh T2, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lần lượt vào các ngày 04/9/2021 và 30/12/2021, Lê Minh T2 và Lê Minh N bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác tài nguyên là cát, sỏi lòng sông trái phép. Cả hai người đều chưa nộp tiền phạt.

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 23/3/2023, Lê Minh T2 điều khiển phương tiện thủy nội địa (tàu vỏ sắt) không biển kiểm soát, đi cùng Lê Minh N đến khu vực sông T thuộc ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang để vận hành máy bơm, hút cát lòng sông lên khoang phương tiện. Trong lúc tuần tra, Công an huyện C phối hợp với Công an xã N phát hiện hành vi khai thác cát trái phép của T2 và N nên lập biên bản sự việc, tiến hành đo đạc xác định cát khai thác trái phép có khối lượng là 8,522m³, đồng thời tạm giữ tang vật, phương tiện gồm: 8,522m³ cát, sỏi lòng sông (đã bao gồm 20kg thu mẫu để giám định) và 01 phương tiện thủy nội địa có gắn 01 máy chạy phương tiện (động cơ thủy), 01 máy hút cát nhãn hiệu DAEWOO có gắn thiết bị hút cát và 01 máy bơm, hút nước cùng các vật dụng dùng vào việc hút cát trái phép.

Căn cứ Kết luận giám định số 3383 và 3384 cùng ngày 19/6/2023 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ C, thì mẫu cát được niêm phong gửi giám định là khoáng sản. Căn cứ Bản Kết luận định giá tài sản số 23 ngày 22/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, thì 8,522m³ cát trị giá 1.022.640 đồng.

Kết quả điều tra xác định, phương tiện thủy nội địa nêu trên có biển kiểm soát TG 14538 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Thanh V1, sinh năm 1973, trú tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ông V1 cho Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1983, trú cùng địa phương, thuê với giá 5.000.000 đồng/tháng để sử dụng vào mục đích vận chuyển cát. Ngày 23/3/2023, T3 thuê và hướng dẫn Lê Minh T2 và Lê Minh N điều khiển phương tiện đến khu vực sông T để hút cát trái phép lên khoang phương tiện thì bị phát hiện như đã nêu trên. Ông V1 không biết Nguyễn Thanh T3, Lê Minh T2 và Lê Minh N dùng phương tiện TG 14538 vào việc bơm, hút cát trái phép.

Nguyễn Thanh T3 thuê Lê Minh T2 và Lê Minh N thực hiện hành vi khai thác tài nguyên (khoáng sản) trái phép với số tiền 300.000 đồng/người/chuyến, nhưng khối lượng tài nguyên (khoáng sản) bị khai thác là 8,522m³. Kết quả xác minh, Nguyễn Thanh T3 chưa có tiền án, tiền sự về hành vi khai thác trái phép tài nguyên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự, chuyển xử lý hành chính đối với Nguyễn Thanh T3.

Quá trình điều tra, Lê Minh T2 và Lê Minh N đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định, định giá tài sản và các chứng cứ, tài liệu khác thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2024/HS-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định (tóm tắt):

Tuyên bố bị cáo Lê Minh N phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Minh N 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Lê Minh T2, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 19/4/2024, bị cáo Lê Minh N có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tội danh đối với Bị cáo là đúng, đồng thời đã cân nhắc, xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của Bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo, nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho Bị cáo tranh luận: Bị cáo có những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như: đã nộp khoản tiền phạt vi phạm hành chính là 30.000.000 đồng; có bác ruột là liệt sĩ; có hoàn cảnh gia đình khó khăn và đang nuôi 02 con còn nhỏ và có nhân thân tốt nên đủ điều kiện cho Bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Minh N làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Bị cáo, thấy rằng: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 23/3/2023, Bị cáo cùng với Lê Minh T2 điều khiển phương tiện thủy nội địa đến khu vực sông T thuộc ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang để vận hành máy bơm, hút cát lòng sông lên khoang phương tiện với khối lượng là 8,522m³, trị giá 1.022.640 đồng. Vì cát là Tài nguyên (khoáng sản) quy định tại điểm a khoản 1 Điều 64 của Luật Khoáng sản năm 2010 nên hành vi khai thác cát trái phép đã xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên.

Bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác tài nguyên là cát, sỏi lòng sông trái phép vào ngày 30/12/2021 với số tiền 70.000.000 đồng, nhưng chưa nộp phạt nên không thuộc trường hợp được xem là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Do đó, với lần vi phạm này, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Bị cáo phạm tội “*vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho Bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đó là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS, tuyên phạt Bị cáo 01 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của Bị cáo, đáp ứng được yêu cầu công tác đấu tranh bảo vệ môi trường sinh thái và sự an toàn của người dân sống ven sông. Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Bị cáo đã nộp phạt 30.000.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3818/QĐ-XPHC ngày 30/12/2021 (Biên lai thu phạt số 298568 ngày 09/4/2024 của Ngân hàng TMCP Đ). Mặc dù đây là hành vi chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nhưng hành vi vi phạm hành chính này (ngày 30/12/2021) là điều kiện đủ để Bị cáo bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi vi phạm hành chính mới (ngày 23/3/2023) nên việc chấp hành nộp phạt này cũng được xem là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Ngoài ra, hoàn cảnh phạm tội của Bị cáo là người làm thuê, thu lợi bất chính không đáng kể và hiện nuôi 02 con còn nhỏ trong điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên xét giảm một phần hình phạt cho Bị cáo.

[4] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa chưa hoàn toàn phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận một phần. Sửa bản án sơ thẩm.

[5] Các nội dung và quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do yêu cầu kháng cáo của Bị cáo được chấp nhận nên Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 343, điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Minh N. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2024/HS-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Minh N phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*”.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Minh N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

2. Án phí phúc thẩm, áp dụng khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Lê Minh N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Công an tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VP; HSVA; NTK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Tuấn